

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/DS-ST
Ngày 05-02-2021
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Mỹ Phượng;
2. Ông Trần Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Diên, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 380/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2020/QĐXX-ST ngày 31 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974; cư trú tại: Tổ x, ấp Tân T, xã Tân B, huyện T, tỉnh Tây Ninh;

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1969; cư trú tại: Tổ x, ấp Tân T, xã Tân B, huyện T, tỉnh Tây Ninh; văn bản ủy quyền ngày 15/10/2020; có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn:

Ông Đỗ Văn L, sinh năm 1959; vắng mặt;

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974; vắng mặt;

Cùng cư trú tại: Ấp Tân T, xã Tân B, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị N và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Vào ngày 24/7/2018 bà N có cho ông L, bà T vay 34.000.000 đồng, đến ngày 02/12/2018 cho vay tiếp 40.000.000 đồng, tổng cộng 74.000.000 đồng. Khi vay có làm giấy tay do ông L, bà T tự viết và ký tên, không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể, chỉ thỏa thuận bằng lời nói: khi nào trả gốc, sẽ trả lãi theo giá thị trường. Mục đích vay là để bà T cho vay lại kiếm lời. Đến tháng 2 năm 2020, ông L, bà T tuyên bố bế nợ và né tránh, không thông báo cho bà N. Bà N chưa nhận được khoản tiền lãi nào. Nay bà N yêu cầu ông L và bà T hoàn trả tiền gốc 74.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Bị đơn – Ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời khai.

Tại phiên tòa:

- Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt.
- Ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh:

+ Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 463; 466, 469 và 470 Bộ luật Dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, buộc ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N 74.000.000 đồng, ghi nhận bà N không yêu cầu tính tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về việc vắng mặt của đương sự: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị N đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N:

[2] Xác định loại hợp đồng vay: Theo nội dung tại 02 giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp và trình bày của nguyên đơn thì hợp đồng vay không xác định thời hạn và không thỏa thuận lãi suất quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự:

“Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Ông L và bà T đã né tránh, không thông báo cho bà N về việc ông bà rời khỏi địa phương từ tháng 2 năm 2020, không thông báo cho bà N địa chỉ mới. Do đó việc bà N thực hiện việc thông báo cho ông L, bà T đòi lại tiền gốc đã cho vay thông qua UBND xã Tân Bình – nơi cư trú cuối cùng của ông L, bà T một khoảng thời gian, từ tháng 02 năm 2020 đến ngày 15/10/2020 bà N nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là phù hợp với quy định của pháp luật về thời hạn báo trước.

[3] Bà N yêu cầu ông L và bà T hoàn trả tiền gốc 74.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà N là bản gốc 02 giấy vay tiền có tiêu đề “giấy mượn tiền” ngày 24/7/2018 và ngày 02/12/2018 tại bút lục 28, 29. Ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị T đã được thông báo về việc kiện nhưng không có ý kiến. Theo quy định khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ để giải quyết vụ kiện. Hai giấy nợ gốc là chứng cứ do bà N cung cấp có chữ ký của ông L, bà T, xác định số tiền ông L, bà T còn nợ bà N 74.000.000 đồng là sự thật. Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; yêu cầu khởi kiện của bà N là có cơ sở chấp nhận; buộc ông L, bà T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà N 74.000.000 đồng. Ghi nhận bà N không yêu cầu tính tiền lãi.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, ông L, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền được Tòa án chấp nhận: $5\% \times 74.000.000 \text{ đồng} = 3.700.000 \text{ đồng}$.

Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà N 1.850.000 đồng theo biên lai số 0004612 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 466, 469 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 91; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N 74.000.000 (bảy mươi bốn triệu) đồng. Ghi nhận bà N không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành xong, ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T phải chịu 3.700.000 (ba triệu bảy trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà N 1.850.000 đồng theo biên lai số 0004612 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

3. Bà Nguyễn Thị N, ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV.TAT ;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án (O).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Oanh- Đã ký